TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: **375**/2019/DS-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long
Các hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Phan Văn Tao
2/ Bà Phạm Kim Tuyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2019/TLST-DS ngày 14/8/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2019/QĐXXST-DS ngày 27/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2019/QĐST-DS ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT

Địa chỉ: Lầu 8, X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang Tấn H, sinh năm 1993 – Nhân viên phòng tín dụng - *Có mặt.*

Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Số X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1984 - *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Y, Tổ 7, Khu phố 5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Quang Tấn H trình bày:

Ngày 10/7/2017, ông Phạm Văn P có vay để tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo hình thức cấp thẻ tín dụng số thẻ là 472074-9392, hạn mức sử dụng là 49.000.000 đồng. Hình thức thanh toán là trả lãi và gốc hàng tháng nộp trực tiếp vào thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông P đã sử dụng tổng cộng các giao dịch là 70.090.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng được 42.350.000 đồng.

Kể từ ngày ngày 01/3/2019 thì Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 12/11/2019 ông P còn nợ Ngân hàng số tiền là 64.650.502 đồng, trong đó nợ gốc là 50.655.567 đồng và lãi quá hạn là 13.994.935 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn P phải trả cho Ngân hàng số tiền 64.650.502 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án để ông Phạm Văn P là bị đơn đến Tòa án để làm việc, giải quyết vụ án và tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Phạm Văn P vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn P phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Ông Phạm Văn P có nơi cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn P là bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-9392 ngày 10/7/2017 và Văn bản chi tiết giao dịch thẻ tín dụng số 472074-9392 của Ngân hàng có đủ cơ sở để xác định giữa ông Phạm Văn P và Ngân hàng đã phát sinh giao dịch dân sự là vay tài sản. Về lãi suất cho vay các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017. Kể từ ngày ngày 01/3/2019 ông P đã không trả nợ cho Ngân hàng nữa. Như vậy là ông P đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 12/11/2019 ông Phạm Văn P còn nợ Ngân hàng số tiền là 64.650.502 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông P phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền là 64.650.502 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phương thức trả nợ: Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài từ ngày 01/3/2019 cho đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc ông P phải trả làm một lần toàn bộ số nợ còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

{**3} Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;
- Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Phạm Văn P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT số tiền 64.650.502 đồng còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-9392 ngày 10/7/2017.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, ông Phạm Văn P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT thì lãi suất mà ông P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT.

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm là 3.232.525 đồng do ông Phạm Văn P phải chịu.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn TT 1.369.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0031286 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Long